

Số: 2470/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại bản Bắt thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La”
(trữ lượng tính đến tháng 5 năm 2023)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản; Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1498/GP-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La cấp cho Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu được thăm dò đất

sét làm gạch ngói tại bản Bất thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 26/6/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 720/TTr-STNMT ngày 10/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La”, với những nội dung sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 5,8609 ha (Năm phẩy tám sáu không chín héc ta) gồm 03 khu: Khu 1 (diện tích 2,3409 ha) được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ 01 đến 14; khu 2 (diện tích 2,07 ha) được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ B1 đến B11, B12', B22', B23, B24, B25, B26; khu 3 (diện tích 1,45 ha) được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ B12 đến B22 có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01.

2. Phê duyệt trữ lượng đất sét làm gạch ngói đã tính trong báo cáo: Cấp 121 + 122: 721.819,0 m³. Trong đó:

- Cấp 121: 251.307 m³.

- Cấp 122: 470.512 m³.

3. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt và trữ lượng khoáng sản cấp 121 + 122 được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại bản Bất thuộc xã Sấp Vạt và thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La” được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất (tại Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La và Trung tâm thông tin, lưu trữ và bảo tàng địa chất thuộc Cục Địa chất Việt Nam).

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Giám đốc Công ty cổ phần Hưng Thịnh Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Như Điều 4;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, HS - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 01

**TOẠ ĐỘ KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
ĐẤT SÉT LÀM GẠCH, NGÓI TẠI BẢN BẮT THUỘC XÃ SẬP VẠT
VÀ THỊ TRẤN YÊN CHÂU, HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số: 2470/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh)

Số hiệu điểm	Hệ toạ độ VN-2000, KTT 104 ⁰ 00' múi chiều 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
Khu 1			
1	2.328.961,28	531.597,15	2,3409
2	2.328.934,59	531.587,19	
3	2.328.909,61	531.603,94	
4	2.328.884,21	531.645,53	
5	2.329.060,35	531.686,29	
6	2.329.075,78	531.676,87	
7	2.329.109,76	531.613,88	
8	2.329.132,41	531.597,76	
9	2.329.149,27	531.573,24	
10	2.329.101,92	531.507,38	
11	2.329.031,66	531.532,83	
12	2.329.038,47	531.544,65	
13	2.329.019,63	531.575,07	
14	2.328.973,25	531.598,45	
Khu 2			
B1	2.329.009,29	531.476,13	2,07
B2	2.329.014,68	531.501,23	
B3	2.329.024,81	531.520,09	
B4	2.329.179,10	531.483,21	
B5	2.329.161,40	531.433,35	
B6	2.329.143,42	531.411,35	
B7	2.329.113,70	531.398,31	
B8	2.329.052,52	531.440,00	



B9	2.329.009,98	531.450,18	
B10	2.329.009,23	531.369,92	
B11	2.329.984,75	531.335,12	
B12'	2.328.894,42	531.380,44	
B22'	2.328.922,50	531.431,84	
B23	2.328.967,73	531.426,28	
B24	2.328.982,47	531.430,63	
B25	2.328.983,32	531.440,40	
B26	2.329.012,23	531.452,82	
Khu 3			
B12	2.328.881,29	531.387,03	1,45
B13	2.328.795,99	531.453,69	
B14	2.328.786,32	531.553,80	
B15	2.328.826,22	531.951,64	
B16	2.328.889,17	531.552,58	
B17	2.328.876,91	531.535,29	
B18	2.328.869,96	531.519,43	
B19	2.328.869,20	531.498,86	
B20	2.328.874,72	531.481,65	
B21	2.328.897,50	531.466,89	
B22	2.328.901,98	531.432,29	
Tổng diện tích khu 1 + khu 2 + khu 3 là: 5,8609			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 02

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐẤT SÉT LÀM GẠCH, NGÓI
TẠI BẢN BẮT THUỘC XÃ SẬP VẠT VÀ THỊ TRẤN YÊN CHÂU,
HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số: 2470/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	1-121	+ 291	132.407	
2	2-121	+ 291	118.900	
Tổng 121			251.307	
3	3-122	+ 291	24.587	
4	4-122	+ 291	198.660	
5	5-122	+ 291	14.865	
6	6-122	+ 291	19.935	
7	7-122	+ 291	29.412	
8	8-122	+ 291	36.937	
9	9-122	+ 291	146.116	
Tổng 122			470.512	
121 + 122			721.819,0	